

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY TRÌNH

Vận hành hồ chứa thủy điện Đăk Mi 1

huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum

*(Kèm theo Quyết định số 799 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy trình này quy định về vận hành, quản lý hồ chứa và an toàn cho vùng hạ du đập thủy điện Đăk Mi 1, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum là Chủ đầu tư dự án thủy điện Đăk Mi 1.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác vận hành, quản lý đập hồ chứa thủy điện Đăk Mi 1.

Điều 2. Cơ sở pháp lý để xây dựng quy trình

Mọi hoạt động liên quan đến việc quản lý, khai thác và bảo vệ an toàn công trình thủy điện Đăk Mi 1 phải tuân thủ:

1. Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;
2. Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;
3. Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;
4. Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;
5. Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
6. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;
7. Nghị định số 112/2008/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa thủy điện, thủy lợi;
8. Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

9. Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

10. Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập;

11. Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

12. Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật khí tượng thủy văn;

13. Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;

14. Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

15. Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

16. Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết về một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

17. Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn;

18. Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

19. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Bảo vệ môi trường;

20. Quyết định số 05/2020/QĐ-TTg ngày 31 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên các sông thuộc phạm vi cả nước;

21. Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp rủi ro thiên tai;

22. Thông tư số 43/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện;

23. Thông tư số 03/2012/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quản lý, sử dụng đất vùng bán ngập lòng hồ thủy điện, thủy lợi;

24. Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

25. Thông tư số 64/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu các hồ chứa, đập dâng;

26. Thông tư số 65/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định kỹ thuật xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa;

27. Thông tư số 30/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn đối với trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng;

28. Thông tư số 22/2019/TT-BTNMT ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về dự báo, cảnh báo lũ;

29. Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện;

30. Các văn bản pháp luật và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành khác có liên quan.

Điều 3. Thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình

1. Tên công trình: Thủy điện Đắk Mi 1.
2. Địa điểm xây dựng: Trên sông Đắk Mi, thuộc địa bàn xã Đắk Choong, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum.
3. Cấp công trình: Cấp I theo QCVN 04-05:2012/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Công trình thủy lợi: Các quy định chủ yếu về thiết kế.
4. Phân loại đập, hồ chứa nước: Đập, hồ chứa nước Đắk Mi 1 thuộc loại lớn, có tràn cửa van theo Điều 3 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ.

5. Thông số chính của công trình thủy điện Đăk Mi 1:

- Diện tích lưu vực (F_{lv}): 401,9 km².
- Mức nước dâng bình thường (MNDBT): 810 m.
- Mức nước chết (MNC): 805 m.
- Dung tích toàn bộ (V_{tb}): 28,475×10⁶ m³.
- Dung tích chết (V_c): 21,402×10⁶ m³.
- Dung tích hữu ích (V_{hi}): 7,073×10⁶ m³.
- Công suất lắp máy (N_{lm}): 84 MW.
- Tần suất lũ thiết kế: 0,1%.
- Tần suất lũ kiểm tra: 0,5%.
- Lưu lượng đỉnh lũ thiết kế/Khả năng xả của đập tràn với mực nước lũ thiết kế: 5.270m³/s/ 4.913,3m³/s.
- Lưu lượng đỉnh lũ kiểm tra/Khả năng xả của đập tràn với mực nước lũ kiểm tra: 6.660m³/s/ 6.034,1m³/s.

Các thông số kỹ thuật khác của công trình được trình bày tại Phụ lục 1 kèm theo.

Điều 4. Nhiệm vụ công trình theo thứ tự ưu tiên và nguyên tắc vận hành công trình

Quy trình này áp dụng cho công tác vận hành hồ chứa thủy điện Đăk Mi 1 nhằm đảm bảo các yêu cầu nhiệm vụ công trình theo thứ tự ưu tiên sau:

1. Trong mùa lũ

a) Đảm bảo an toàn công trình và vùng hạ du

Nhiệm vụ vận hành công trình. Điều tiết hồ trong thời kỳ mùa lũ hồ chứa nước thủy điện Đăk Mi 1 trong thời kỳ mùa lũ mực nước trong hồ không vượt quá mực nước lũ kiểm tra ở cao trình 813,36m để đảm bảo an toàn cho công trình đầu mối và không gây ngập lụt khu vực lòng hồ thủy điện; Đảm bảo an toàn về người và tài sản cho nhân dân vùng hạ du.

b) Đảm bảo hiệu quả phát điện, cung cấp điện cho hệ thống điện quốc gia phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

2. Trong mùa cạn

a) Đảm bảo an toàn công trình.

b) Đảm bảo dòng chảy tối thiểu trên sông.

- c) Đảm bảo an toàn về người và tài sản cho nhân dân vùng hạ du.
- d) Đảm bảo hiệu quả cấp nước cho hạ du và phát điện, cung cấp điện cho hệ thống điện quốc gia phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

Điều 5. Phân loại lũ và thời kỳ mùa lũ, mùa kiệt

Thời kỳ mùa lũ, mùa kiệt và phân loại lũ để áp dụng các quy định vận hành đối với công trình thủy điện Đắk Mi 1 được quy định như sau:

1. Quy định về phân loại lũ

- a) Lũ nhỏ: Lưu lượng đỉnh lũ nhỏ hơn hoặc bằng $820\text{m}^3/\text{s}$.
- b) Lũ vừa: Lưu lượng đỉnh lũ từ $820\text{m}^3/\text{s}$ đến $1.440\text{m}^3/\text{s}$.
- c) Lũ lớn: Lưu lượng đỉnh lũ từ $1.440\text{m}^3/\text{s}$ đến $2.670\text{m}^3/\text{s}$.
- d) Lũ đặc biệt lớn: Lưu lượng đỉnh lũ từ $2.670\text{m}^3/\text{s}$ đến $3.260\text{m}^3/\text{s}$.
- e) Lũ lịch sử: Lưu lượng đỉnh lũ lớn hơn $3.260\text{m}^3/\text{s}$.

2. Quy định về thời kỳ mùa lũ, mùa kiệt

- a) Mùa lũ từ ngày 15 tháng 6 đến 31 tháng 11 hàng năm.
- b) Mùa kiệt từ ngày 01 tháng 12 đến 14 tháng 6 năm sau.

Điều 6. Trình tự thực hiện đóng mở cửa van

1. Các cửa van đập được đánh số từ I đến III theo thứ tự từ trái sang phải (theo hướng nhìn từ thượng lưu về hạ lưu).

2. Trình tự mở các cửa van đập tràn được quy định tại Bảng 1 (tương ứng với mực nước hồ bằng Mực nước dâng bình thường), trong đó thứ tự mở sau được thực hiện sau khi hoàn thành thứ tự mở trước đó. Trình tự đóng các cửa van được thực hiện ngược với trình tự mở.

Bảng 1. Trình tự mở các cửa van đập tràn

Độ mở (m)	Thứ tự mở các cửa van đập tràn		
	Cửa van số I	Cửa van số II	Cửa van số III
0,25	4	1	5
0,50	6	2	7
1,00	8	3	9
1,50	11	10	12

Độ mở (m)	Thứ tự mở các cửa van đập tràn		
	Cửa van số I	Cửa van số II	Cửa van số III
2,00	14	13	15
2,50	17	16	18
3,00	20	19	21
4,00	23	22	24
5,00	26	25	27
6,00	29	28	30
7,00	32	31	33
8,00	35	34	36
9,00	38	37	39
10,00	41	40	42
11,00	44	43	45
Mở hoàn toàn	47	46	48

3. Trong quá trình thực hiện Quy trình này, nếu trình tự, phương thức vận hành các cửa van đập tràn chưa hợp lý, cần phải hiệu chỉnh thì Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum để xem xét, quyết định.

Điều 7. Quan trắc, cung cấp thông tin quan trắc khí tượng thủy văn

Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum có trách nhiệm thực hiện việc quan trắc, thu thập thông tin, dữ liệu về khí tượng, thủy văn theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Luật tài nguyên nước 2012 quy định về Hồ chứa và khai thác, sử dụng nước hồ chứa; quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ và các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Ngoài việc cập nhật thường xuyên diễn biến khí tượng thủy văn của các trạm thủy văn lân cận khu vực dự án, việc quan trắc, thu thập thông tin, dữ liệu về khí tượng, thủy văn, thông tin về công trình, chế độ dự báo và chế độ thông tin, báo cáo đối với công trình thủy điện Đắk Mi 1 được quy định như sau:

1. Nội dung quan trắc khí tượng thủy văn đối với công trình thủy điện Đắk Mi 1

- Quan trắc lượng mưa trong lưu vực.
- Quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập.
- Tính toán lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả.

2. Chế độ quan trắc, các yếu tố, thời gian quan trắc, tính toán trong mùa lũ

a) Trong điều kiện thời tiết bình thường, khi chưa xuất hiện tình huống thời tiết có khả năng gây mưa lũ theo quy định tại điểm b khoản này, hàng ngày Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum phải thực hiện việc quan trắc như sau:

Tổ chức quan trắc lượng mưa, tính toán lượng mưa trên lưu vực, tính toán mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả qua đập tràn, qua nhà máy ít nhất 04 lần vào các thời điểm: 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ, 19 giờ.

b) Trong điều kiện thời tiết mưa, lũ, Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum phải thực hiện chế độ quan trắc và duy trì cho đến khi kết thúc đợt lũ như sau:

- Khi mực nước hồ cao hơn hoặc bằng mực nước dâng bình thường, tổ chức quan trắc lượng mưa, tính toán lượng mưa trên lưu vực, tính toán mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả qua đập tràn, qua nhà máy ít nhất 1 giờ một lần.

- Khi mực nước hồ cao hơn mực nước lũ thiết kế, tổ chức quan trắc lượng mưa, tính toán lượng mưa trên lưu vực, tính toán mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả qua đập tràn, qua nhà máy ít nhất 15 phút một lần.

c) Thời gian, thông số, các yếu tố phải tiến hành quan trắc, tính toán ứng với các trường hợp vận hành hồ trong thời gian mùa lũ được quy định tại điểm a, điểm b Điều này và Bảng 2.

Bảng 2. Thông số, các yếu tố và thời gian quan trắc trong mùa lũ

Thông số quan trắc, tính toán Chế độ vận hành		Thời gian quan trắc ít nhất (số giờ/ lần)			
		Lượng mưa	Lưu lượng vào hồ	Lưu lượng xả qua tràn, qua tua bin	Mực nước hồ và mực nước hạ lưu đập
Khi mực nước hồ	Chưa mở cửa van đập tràn	6	6	6	6

≤ 810	Đang mở cửa van đập tràn	1	1	1	1
Mức nước hồ > 810 và $\leq 811,14$		1	1	1	1
Khi mức nước hồ $> 811,14$		0,25	0,25	0,25	0,25

3. Chế độ quan trắc các yếu tố, thời gian quan trắc, tính toán trong mùa kiệt

Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum phải thực hiện việc quan trắc như sau:

Hàng ngày, tổ chức đo đạc, quan trắc, tính toán lưu lượng đến hồ, lưu lượng qua đập tràn, qua nhà máy, mức nước thượng, hạ lưu hồ ít nhất 02 lần một ngày vào lúc 07 giờ và 19 giờ.

4. Trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu

a) Trong mùa lũ: Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum phải cung cấp số liệu quan trắc, tính toán quy định tại khoản 2 Điều này cho Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự (*sau đây gọi tắt là BCH PCTT - TKCN và PTDS*) tỉnh Kon Tum, Sở Công Thương tỉnh Kon Tum trước 10 giờ hàng ngày.

b) Trong mùa kiệt: Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum phải cung cấp bản tin dự báo và số liệu quan trắc, tính toán quy định tại khoản 3 Điều này cho Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, BCH PCTT - TKCN và PTDS tỉnh Kon Tum, Sở Công Thương tỉnh Kon Tum các số liệu sau: Mức nước thượng lưu, mức nước hạ lưu hồ chứa; lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả về hạ du thực tế 10 ngày qua trước 11 giờ các ngày 01, 11, 21 hàng tháng.

c) Hàng ngày, trong suốt cả năm, Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum cung cấp số liệu vận hành hồ về hệ thống thông tin, giám sát việc vận hành hồ của Cục Quản lý tài nguyên nước và Cục Điều tiết điện lực theo yêu cầu.

5. Trách nhiệm báo cáo

Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum có trách nhiệm báo cáo kết quả vận hành và tình trạng làm việc của công trình, việc báo cáo được thực hiện như sau:

a) Chậm nhất 02 ngày sau khi kết thúc đợt lũ, phải báo cáo kết quả vận hành, trạng thái làm việc sau đợt lũ của hồ và các thông tin có liên quan đến BCH PCTT - TKCN và PTDS tỉnh Kon Tum, Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia, Sở Công Thương tỉnh Kon Tum, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum để theo dõi, chỉ đạo.

b) Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, phải báo cáo kết quả vận hành trong mùa lũ, trạng thái làm việc trong mùa lũ của hồ, các đề xuất, kiến nghị và các thông tin có liên quan đến BCH PCTT - TKCN và PTDS tỉnh Kon Tum,

Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia, Sở Công Thương tỉnh Kon Tum, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum.

Điều 8. Phối hợp vận hành giữa chủ sở hữu, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy điện với chủ sở hữu, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước khác trên cùng lưu vực sông và các tổ chức, cơ quan, cá nhân có liên quan trong công tác vận hành đập, hồ chứa thủy điện

1. Tuân thủ quy trình vận hành liên hồ chứa do cấp có thẩm quyền ban hành *(nếu có)*. Trong thời gian hồ chứa thủy điện Đăk Mi 1 chưa được bổ sung vào trong quy trình vận hành liên hồ chứa, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum phải phối hợp với các đơn vị quản lý vận hành công trình thủy điện, thủy lợi trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn để xây dựng quy chế phối hợp vận hành, thống nhất với BCH PCTT - TKCN và PTDS huyện Đăk Glei vùng bị ảnh hưởng, báo cáo BCH PCTT - TKCN và PTDS tỉnh Kon Tum để vận hành đảm bảo an toàn cho công trình và hạ du.

2. Trong quá trình vận hành công trình thủy điện Đăk Mi 1, Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum phải thường xuyên cung cấp, trao đổi cập nhật thông tin với các công trình thủy điện, thủy lợi có liên quan trên bậc thang lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn để có chế độ vận hành tối ưu và an toàn.

- Thực hiện Quy chế phối hợp thông tin giữa Công ty Quang Đức Kon Tum với Công ty Cổ phần năng lượng AGRITA - Quảng Nam và chính quyền địa phương (*Ủy ban nhân dân huyện Phước Sơn, Ủy ban nhân dân xã Phước Công*) trong công tác vận hành đập, hồ chứa thủy điện Đăk Mi 1, Đăk Mi 2 (*thông báo vận hành bình thường, tình huống bất thường, các biến động khác*) đảm bảo an toàn vùng hạ du.

- Thực hiện Quy chế phối hợp thông tin giữa Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum với Chủ đầu tư thủy điện bậc trên và chính quyền địa phương (*Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei, Ủy ban nhân dân xã Đăk Choong*) trong công tác vận hành đập, hồ chứa thủy điện Đăk Mi 1 đảm bảo an toàn vùng lòng hồ và khu phạm vi bảo vệ hồ thủy điện theo quy định.

Điều 9. Cảnh báo trước, trong quá trình vận hành xả lũ và vận hành phát điện, bao gồm:

1. Cảnh báo trước, trong quá trình vận hành xả lũ và vận hành phát điện.

a) Khi các cửa van đập tràn đang ở trạng thái đóng hoàn toàn: 30 phút trước khi xả, kéo 3 hồi còi, mỗi hồi còi dài 20 giây và cách nhau 10 giây.

b) Trước khi xả nước qua các cửa van đập tràn, kéo 2 hồi còi, mỗi hồi còi dài 20 giây và cách nhau 10 giây.

c) Khi xảy ra các trường hợp đặc biệt cần phải xả nước khẩn cấp để đảm bảo an toàn công trình: Kéo 5 hồi còi, mỗi hồi còi dài 30 giây và cách nhau 05 giây; sau khi kết thúc hiệu lệnh mới được phép xả.

d) Khi các cửa van xả tràn kết thúc xả nước thì kéo 1 hồi còi dài 30 giây.

2. Phương thức thông tin, báo cáo vận hành công trình.

a) Các lệnh, ý kiến chỉ đạo, kiến nghị, trao đổi có liên quan đến việc vận hành và chống lũ của hồ thủy điện Đăk Mi 1 đều phải thực hiện bằng văn bản, đồng thời bằng fax, thông tin trực tiếp qua điện thoại, chuyển bản tin bằng mạng vi tính, sau đó văn bản gốc được gửi để theo dõi, đối chiếu và lưu hồ sơ quản lý.

b) Các lệnh, ý kiến chỉ đạo, thông báo, trao đổi có liên quan đến việc vận hành hồ chứa thủy điện Đăk Mi 1 qua điện thoại phải được ghi âm và thực hiện theo trình tự sau:

- Người có thẩm quyền phát lệnh vận hành công trình.
- Người có thẩm quyền tiếp nhận lệnh nhắc lại lệnh đã nhận được.
- Người có thẩm quyền phát lệnh khẳng định lại lệnh đã ban hành.

Điều 10. Quy định về dòng chảy tối thiểu

1. Việc vận hành, khai thác công trình thủy điện Đăk Mi 1 phải đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu ở khu vực hạ du hồ chứa theo quy định của Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Quốc Hội và Thông tư số 64/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thực hiện Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt của cơ quan có thẩm quyền.

2. Việc vận hành xả nước đảm bảo dòng chảy tối thiểu ở khu vực hạ du hồ chứa thủy điện Đăk Mi 1 được thực hiện thông qua đường ống xả môi trường được đặt trong thân đập.

CHƯƠNG II VẬN HÀNH HỒ CHỨA TRONG MÙA LŨ

Điều 11. Quy định về mực nước trước lũ, đón lũ

Cao trình mực nước trước lũ của hồ chứa thủy điện Đăk Mi 1 không được vượt quá cao trình mực nước dâng bình thường 810 m.

Điều 12. Nguyên tắc vận hành hồ trong mùa lũ

1. Nguyên tắc cơ bản là duy trì mực nước hồ ở cao trình mực nước dâng bình thường 810m bằng chế độ xả nước qua các tổ máy phát điện và điều tiết bằng đập tràn cửa van cung.

2. Lưu lượng lũ vào hồ phải được ưu tiên sử dụng để phát công suất tối đa có thể được của nhà máy, phần lưu lượng lũ còn lại được xả qua 3 cửa van cung của đập tràn khi mực nước hồ vượt quá cao trình mực nước dâng bình thường ở cao trình 810m.

3. Căn cứ vào dự báo lưu lượng lũ vào hồ và mực nước tại hồ chứa, phương thức vận hành nhà máy như sau:

a) Duy trì mực nước hồ ở cao trình mực nước thấp nhất có thể bằng chế độ xả tối đa nước qua các tổ máy phát điện.

b) Trong mọi trường hợp vận hành bình thường (*không có nguy cơ sự cố hoặc đe dọa sự cố công trình*), lưu lượng xả qua công trình (*bao gồm qua các tổ máy phát điện, xả tràn cửa van*) không được lớn hơn lưu lượng tự nhiên vào hồ.

c) Trình tự, phương thức đóng mở cửa van đập tràn thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Quy trình này.

d) Không cho phép nước tràn qua đỉnh cửa van đập tràn trong mọi trường hợp vận hành xả lũ.

đ) Sau đỉnh lũ, phải đưa mực nước hồ về mức tối đa là cao trình mực nước dâng bình thường 810m.

4. Khi mực nước hồ Đăk Mi 1 có khả năng vượt mức nước lũ kiểm tra, dự báo lũ tiếp tục tăng lên hoặc các công trình đập đầu mối có dấu hiệu xảy ra sự cố dẫn đến tăng khả năng vỡ đập thì phải ban hành tình trạng khẩn cấp, phương thức phát lệnh thông báo tình trạng khẩn cấp được quy định tại Điều 9 Quy trình này, đồng thời thông báo ngay BCH PCTT- TKCN và PTDS tỉnh Kon Tum, BCH PCTT- TKCN và PTDS huyện Đăk Glei để có biện pháp triển khai công tác phòng, tránh lũ.

Điều 13. Vận hành hồ chứa tham gia cắt/giảm lũ cho hạ du, phát điện

1. Trong trường hợp hồ chứa cần tham gia cắt/giảm lũ cho hạ du mà không thực hiện được theo đúng quy trình vận hành theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, BCH PCTT- TKCN và PTDS tỉnh Kon Tum. Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum phải xem xét thống nhất phương án, kế hoạch cụ thể đảm bảo không gây mất an toàn cho công trình.

2. Trường hợp nhà máy vận hành xả lũ mà mực nước hồ vượt quá cao trình mực nước dâng bình thường 810,0m, ưu tiên phát điện với lưu lượng lớn nhất có thể qua tua bin cho đến khi phải ngừng phát điện.

Điều 14. Vận hành hồ chứa đảm bảo an toàn công trình

1. Không cho phép sử dụng phần dung tích hồ từ cao trình mực nước dâng bình thường 810m đến cao trình mực nước lũ kiểm tra 813,36m để điều tiết giảm lũ khi các cửa van đập tràn chưa ở trạng thái mở hoàn toàn.

2. Cho phép Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum vận hành cửa van đập tràn khác với quy định tại Điều 6 và Điều 12 trong các trường hợp xảy ra sự cố hoặc những tình huống bất thường và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật.

3. Trường hợp đập hoặc các thiết bị của công trình bị hư hỏng hoặc sự cố đòi hỏi phải tháo nước để vận hành đảm bảo an toàn công trình, phải lập phương án, kế hoạch và thực hiện việc tháo nước cụ thể đảm bảo không chế tốc độ hạ thấp mực nước sao cho không gây mất an toàn cho đập, các công trình ở tuyến đầu mối và hạ du.

Điều 15. Tích nước cuối mùa lũ

Hồ chứa công trình thủy điện Đắk Mi 1 là công trình điều tiết điều tiết tuần không có yêu cầu về tích nước cuối mùa lũ. Cuối mùa lũ vận hành đưa mực nước hồ về cao trình mực nước dâng bình thường 810,0m.

CHƯƠNG III.

VẬN HÀNH HỒ CHỨA TRONG MÙA KIẾT

Điều 16. Nguyên tắc vận hành hồ trong mùa kiệt

Phải tuân thủ phương thức và lệnh điều độ của cấp điều độ hệ thống điện có quyền điều khiển.

Điều 17. Vận hành phát điện, xả nước trong mùa kiệt

1. Duy trì mực nước hồ không vượt quá cao trình mực nước dâng bình thường 810,0 m bằng chế độ xả nước qua các tổ máy phát điện, chế độ đóng mở cửa van đập tràn cho đến khi toàn bộ các cửa van đập tràn mở hoàn toàn.

2. Trình tự, phương thức đóng mở cửa van đập tràn thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Quy trình này.

3. Hiệu lệnh thông báo xả nước thực hiện theo quy định tại Điều 9 của Quy trình này.

Điều 18. Vận hành đảm bảo mực nước trong mùa kiệt

1. Khi mực nước hồ ở cao trình mực nước dâng bình thường 810m mà lưu lượng về hồ lớn hơn hoặc bằng lưu lượng thiết kế nhà máy thì ưu tiên phát điện với lưu lượng lớn nhất có thể qua tua bin, lưu lượng còn lại phải điều tiết xả qua đập tràn cửa van.

2. Khi mực nước hồ nằm trong khoảng từ cao trình mực nước chết 805,0m đến dưới cao trình mực nước dâng bình thường 810,0m:

a) Trong trường hợp lưu lượng nước về hồ lớn hơn hoặc bằng lưu lượng thiết kế nhà máy, theo nhu cầu thực tế, phát điện với lưu lượng theo khả năng điều tiết của hồ chứa để tận dụng tối đa lưu lượng nước đến hồ tăng khả năng phát điện, giảm xả thừa.

b) Trong trường hợp lưu lượng nước về hồ lớn hơn lưu lượng tối thiểu cho phép một tua bin và nhỏ hơn hoặc bằng lưu lượng thiết kế nhà máy, theo nhu cầu thực tế, phát điện với lưu lượng bằng hoặc lớn hơn lưu lượng tối thiểu cho phép của một tua bin.

c) Khi mực nước hồ lớn hơn mực nước chết mà lưu lượng về hồ nhỏ hơn lưu lượng tối thiểu cho phép của một tua bin, theo nhu cầu thực tế, phát điện với lưu lượng bằng hoặc lớn hơn lưu lượng tối thiểu cho phép của một tua bin.

d) Khi mực nước hồ đang ở cao trình mực nước chết mà lưu lượng về hồ nhỏ hơn lưu lượng tối thiểu cho phép của một tua bin, nhà máy dừng phát điện.

Điều 19. Vận hành điều tiết lũ trong mùa kiệt

Ngoài thời gian mùa lũ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 của Quy trình này, khi xuất hiện sự cố hoặc có nguy cơ sự cố công trình xả hoặc sự cố của các hạng mục bảo đảm an toàn công trình, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum báo cáo ngay Trưởng BCH PCTT - TKCN và PTDS tỉnh Kon Tum để quyết định việc vận hành hồ Đăk Mi 1 theo chế độ vận hành trong mùa lũ quy định tại Quy trình này.

CHƯƠNG IV CÁC TRƯỜNG HỢP VẬN HÀNH KHÁC

Điều 20. Vận hành hồ chứa khi khu vực hạ du có yêu cầu bất thường về nước

1. Khi khu vực hạ du của hồ chứa thủy điện Đăk Mi 1 có nhu cầu lượng nước xả khác với quy định tại Quy trình này thì cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử

dụng nước phải có văn bản xin ý kiến Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum và các đơn vị liên quan.

2. Sau khi thống nhất về lưu lượng và kế hoạch thời gian xả nước với các cơ quan, đơn vị nêu trên, Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum thông báo ngay cho Cấp điều độ hệ thống điện có quyền điều khiển để phối hợp, bố trí kế hoạch huy động nhà máy thủy điện Đắk Mi 1 phát điện đảm bảo tối ưu hiệu quả sử dụng nước, đồng thời tổ chức thực hiện và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum để theo dõi, chỉ đạo.

Điều 21. Vận hành hồ chứa khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng hoặc khi xảy ra các sự cố về tai biến môi trường

Trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước trên lưu vực, ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng hoặc khi xảy ra các sự cố tai biến môi trường nghiêm trọng khác trên lưu vực sông, Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum phải tuân thủ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 56 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội.

Điều 22. Vận hành hồ chứa thủy điện cấp nước cho thủy lợi

Đập, hồ chứa thủy điện Đắk Mi 1 không có yêu cầu về cấp nước cho thủy lợi.

Điều 23. Vận hành hồ chứa thủy điện khi xảy ra động đất

Trong trường hợp xảy ra động đất, Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, các Cơ quan chức năng biết để theo dõi, chỉ đạo.

- Trên cơ sở các giá trị dữ liệu động đất do Viện Vật lý địa cầu công bố, xây dựng phương án ứng phó sự cố bất thường xảy ra, tổ chức kiểm tính ứng với các trường hợp giả định các cấp động đất khác nhau và các mực nước hồ từ ngưỡng tràn đến mực nước dâng bình thường tại công trình thủy điện Đắk Mi 1 để có quy trình tạm thời ứng phó với thực tế động đất trước khi có thông báo của Cơ quan chuyên môn.

CHƯƠNG V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC CÁ NHÂN

Điều 24. Nguyên tắc chung về trách nhiệm bảo đảm an toàn cho công trình

1. Bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước là ưu tiên cao nhất trong đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác đập, hồ chứa nước.

2. Công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa nước phải được thực hiện thường xuyên, liên tục trong suốt quá trình khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ đập, hồ chứa nước.

3. Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum chịu trách nhiệm về an toàn đập, hồ chứa nước do mình sở hữu.

4. Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum có trách nhiệm quản lý, khai thác, bảo đảm an toàn, phát huy hiệu quả của công trình.

Điều 25. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum

1. Ban hành và thực hiện lệnh vận hành công trình theo quy định trong Quy trình này.

2. Trước khi vận hành mở cửa van đập tràn từ trạng thái đóng hoàn toàn trước mỗi trận lũ, phải thông báo trước 02 giờ đến Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, BCH PCTT - TKCN và PTDS tỉnh Kon Tum, Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei để chỉ đạo chống lũ cho hạ du, đồng thời thông báo cho Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Kon Tum, Chủ các đập và nhân dân ở phía thượng, hạ lưu công trình thủy điện Đăk Mi 1 để chủ động phòng tránh thiệt hại có thể xảy ra.

3. Trường hợp xảy ra những tình huống bất thường, hoặc sự cố, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum phải triển khai ngay các biện pháp ứng phó phù hợp, đồng thời báo cáo Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, BCH PCTT - TKCN và PTDS tỉnh Kon Tum, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei để kịp thời phối hợp, có ứng phó cần thiết.

4. Trước khi xả nước khẩn cấp để đảm bảo an toàn cho công trình đầu mối phải báo cáo Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, BCH PCTT - TKCN và PTDS tỉnh Kon Tum, Sở Công Thương tỉnh Kon Tum, Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Kon Tum và thông báo cho Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei, Chủ các đập, Nhân dân ở phía thượng, hạ lưu công trình thủy điện Đăk Mi 1 để kịp thời phối hợp, có ứng xử cần thiết.

5. Sau mùa lũ hàng năm, phải lập báo cáo tổng kết gửi Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, BCH PCTT - TKCN và PTDS tỉnh Kon Tum, Sở Công Thương tỉnh Kon Tum, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum, Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei về việc thực hiện Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Đăk Mi 1, đánh giá kết quả khai thác, tính hợp lý, những tồn tại và nêu những kiến nghị cần thiết.

6. Thành lập Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai (*viết tắt BCHPCTT*) tại công trình thủy điện Đăk Mi 1, cơ cấu thành phần tối thiểu như sau:

a) Trưởng ban: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum - Chỉ đạo và chịu trách nhiệm chung.

b) Phó Trưởng ban: Thay Trưởng ban khi trưởng ban vắng mặt.

c) Các Ủy viên: Phụ trách kỹ thuật, vận hành, sửa chữa và hành chính.

d) Đại diện cơ quan BCH PCTT - TKCN và PTDS tại địa phương - Ủy viên.

7. Chủ đầu tư dự án phải lập báo cáo hiện trạng an toàn đập, báo cáo về quan trắc môi trường dự án trước ngày 15 tháng 4 hàng năm gửi Bộ Công Thương, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đang thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về lĩnh vực tài nguyên nước.

8. Định kỳ không quá 5 năm, kể từ năm thứ 3 tính từ ngày hồ chứa tích nước lần đầu đến mực nước dâng bình thường hoặc kể từ lần tính toán cập nhật lần gần nhất, phải thực hiện tính toán lại dòng chảy lũ đến hồ chứa, kiểm tra khả năng xả lũ theo tiêu chuẩn thiết kế đập hiện hành, trên cơ sở cập nhật tài liệu quan trắc khí hậu thủy văn và các thay đổi về địa hình, địa mạo, độ che phủ của thảm phủ thực vật trên lưu vực hồ chứa. Lập hồ sơ kiểm định và báo cáo cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền xem xét phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 4 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ.

9. Giám sát quá trình khai thác sử dụng nước tại hồ chứa và khu vực hạ lưu công trình thủy điện Đăk Mi 1 chịu ảnh hưởng của việc vận hành hồ chứa; hàng năm lập kế hoạch điều tiết nước hồ chứa và tổ chức thông báo kế hoạch điều tiết nước theo quy định tại Khoản 3 Điều 53 Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Quốc Hội. Lắp đặt hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn theo Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ; Giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

10. Trước mùa lũ hàng năm, lập hoặc cập nhật, bổ sung phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đập, hồ chứa nước trình Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum xem xét, phê duyệt.

11. Lập Phương án bảo vệ đập trình Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum xem xét, phê duyệt.

12. Chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa thủy điện gửi Bộ công Thương, Sở Công Thương Kon Tum theo quy định.

13. Chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh Kon Tum, Ủy ban nhân dân huyện và các xã liên quan khảo sát, lập phương án và thực hiện lắp đặt hệ thống giám sát, cảnh báo điều tiết lũ và phát điện phía hạ du công trình thủy điện Đăk Mi 1 để thông báo đến người dân trong quá trình vận hành; phương thức, hình thức cảnh báo qua hệ thống cảnh báo phải được quy định cụ thể trong Quy chế phối hợp.

14. Chịu trách nhiệm về công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cho công trình và hạ du, cụ thể:

a) Tổ chức quan trắc, thu thập, theo dõi chặt chẽ tình hình diễn biến khí tượng thủy văn; thực hiện chế độ quan trắc, dự báo quy định tại Điều 7 của Quy trình này.

b) Kiểm tra tình trạng công trình, thiết bị, tình hình sạt lở vùng hồ và có biện pháp khắc phục kịp thời các hư hỏng để đảm bảo tình trạng, độ tin cậy làm việc bình thường, an toàn của công trình và thiết bị.

d) Tổ chức, huy động lực lượng trực, sẵn sàng triển khai các công tác khi cần thiết.

15. Tổ chức việc kiểm tra, đánh giá toàn bộ thiết bị, công trình và nhân sự, lập kế hoạch xả và tích nước hồ chứa, cụ thể đề cập đến các vấn đề sau:

a) Tình trạng làm việc của công trình thủy công và hồ chứa.

b) Công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị chính, phụ và công trình liên quan đến công tác vận hành chống lũ.

c) Các thiết bị, bộ phận công trình liên quan đến việc đảm bảo vận hành an toàn của các tổ máy phát điện.

d) Lập phương án đảm bảo cung cấp điện cho các phụ tải quan trọng (*kể cả nguồn điện dự phòng*) và phương án, phương tiện thông tin liên lạc.

đ) Các nguồn vật liệu dự phòng, phương án huy động nhân lực, các thiết bị và phương tiện vận chuyển, các thiết bị và phương tiện cần thiết cho xử lý sự cố.

e) Các dụng cụ cứu sinh, dụng cụ bơi.

g) Công tác tính toán, dự báo về khí tượng thủy văn, các tài liệu và phương tiện cần thiết cho tính toán điều tiết hồ chứa.

h) Diễn tập và kiểm tra quy trình, kỹ thuật xả lũ như tính toán, đóng mở cửa van, thông báo thử cho các chức danh có liên quan.

i) Phối hợp với các cơ quan Nhà nước có liên quan của tỉnh Kon Tum để thông báo và tuyên truyền đến Nhân dân vùng thượng hạ du những thông tin và điều lệnh về công tác phòng chống thiên tai của hồ chứa thủy điện Đăk Mi 1, đặc biệt là với Nhân dân sinh sống gần hạ lưu công trình.

16. Sau mỗi trận lũ và sau cả mùa lũ, phải tiến hành ngay các công tác sau:

a) Kiểm tra tình trạng ổn định, an toàn của công trình, thiết bị bao gồm cả ảnh hưởng xói lở ở hạ lưu đập tràn.

b) Phối hợp với các cơ quan chức năng ở địa phương kiểm tra, đánh giá thiệt hại vùng hạ du và có các biện pháp khắc phục.

c) Lập báo cáo diễn biến lũ.

d) Sửa chữa những hư hỏng nguy hiểm đe dọa đến sự ổn định, an toàn của công trình và thiết bị.

đ) Báo cáo BCH PCTT - TKCN và PTDS tỉnh Kon Tum, Sở Công Thương tỉnh Kon Tum kết quả thực hiện những công tác trên.

17. Trong thời gian không quá 30 phút kể từ thời điểm kết thúc lần quan trắc, đo đạc tính toán theo quy định tại Điều 7 của Quy trình này phải cung cấp toàn bộ số liệu cho BCH PCTT - TKCN và PTDS tỉnh Kon Tum, Bộ Công Thương, Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Kon Tum, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum, Sở Công Thương tỉnh Kon Tum và Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei; đồng thời cập nhật số liệu lên trang Web <https://hothuydien.atmt.gov.vn>, gồm:

a) Mức nước thượng lưu, mức nước hạ lưu hồ chứa.

b) Lưu lượng vào hồ, lưu lượng xả qua tràn, lưu lượng tháo qua tua bin.

c) Dự tính khả năng gia tăng mực nước hồ khi tính theo lưu lượng đến hồ.

d) Lượng mưa tại đập chính.

đ) Trạng thái làm việc của công trình.

Điều 26. Trách nhiệm về an toàn công trình

1. Lệnh vận hành hồ chứa thủy điện Đăk Mi 1 nếu trái với các quy định trong Quy trình này, dẫn đến công trình đầu mối, hệ thống các công trình và dân sinh ở hạ du bị mất an toàn thì người ra lệnh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Trong quá trình vận hành công trình nếu phát hiện có nguy cơ xảy ra sự cố công trình đầu mối, đòi hỏi phải điều chỉnh tức thời thì Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum có trách nhiệm xử lý sự cố, đồng thời báo cáo Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, BCH PCTT - TKCN và PTDS tỉnh Kon Tum, Sở Công Thương tỉnh Kon Tum và thông báo cho Ủy ban

nhân dân huyện Đăk Glei, Chủ các đập, Nhân dân ở thượng, hạ lưu công trình để kịp thời phối hợp, có ứng phó cần thiết.

Điều 27. Trách nhiệm của BCH PCTT - TKCN và PTDS các cấp

1. Trách nhiệm của BCH PCTT - TKCN và PTDS tỉnh Kon Tum

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum chỉ đạo thực hiện các biện pháp ứng phó với các tình huống mưa lũ và xử lý các tình huống cấp bách ảnh hưởng đến an toàn thượng lưu, hạ du công trình vượt quá khả năng xử lý của địa phương và đơn vị quản lý công trình khi có yêu cầu.

b) Chỉ đạo thực hiện các biện pháp ứng phó với lũ, lụt và xử lý các tình huống ảnh hưởng đến an toàn dân cư ở vùng hạ du công trình thủy Đăk Mi 1. Thông báo và chỉ đạo các địa phương, tổ chức, đơn vị liên quan triển khai các biện pháp đối phó phù hợp nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các thiệt hại do việc điều tiết lũ của công trình gây ra.

c) Chỉ đạo Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự huyện Đăk Glei khi bị lũ lụt do vận hành hồ thủy điện Đăk Mi 1 và các tổ chức liên quan phối hợp với Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum trong công tác phòng, chống thiên tai và vận hành công trình thủy điện Đăk Mi 1.

d) Kịp thời báo cáo Bộ Công Thương, Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum trong trường hợp phát hiện những vi phạm các quy định trong Quy trình này.

đ) Báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống thiên tai trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương.

2. Trách nhiệm của BCH PCTT - TKCN và PTDS huyện Đăk Glei

a) Phối hợp với Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum trong công tác phòng, chống thiên tai và vận hành công trình thủy điện Đăk Mi 1 trong mùa mưa lũ và tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý các tình huống bất thường có ảnh hưởng đến an toàn thượng lưu, hạ du công trình.

b) Khi nhận được thông báo chỉ đạo thực hiện các biện pháp ứng phó với các tình huống mưa lũ và xử lý các tình huống cấp bách ảnh hưởng đến an toàn thượng lưu, hạ du công trình từ BCH PCTT - TKCN và PTDS tỉnh Kon Tum, cơ quan có thẩm quyền, BCH PCTT - TKCN và PTDS huyện Đăk Glei phải thông báo ngay đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đăk Choong vùng hạ du bị ảnh hưởng, đồng thời chỉ đạo triển khai các biện pháp ứng phó phù hợp, hạn chế thiệt hại do lũ lụt. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đăk Choong chịu trách nhiệm tổ chức thông báo để Nhân dân biết và triển khai các biện pháp ứng phó.

Điều 28. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum

1. Chỉ đạo các cơ quan liên quan trong địa bàn tỉnh phối hợp với Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum thực hiện đúng các quy định trong Quy trình này.
2. Kịp thời xem xét điều chỉnh, bổ sung nội dung Quy trình vận hành này cho phù hợp thực tế.

Điều 29. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Công thương tỉnh Kon Tum

1. Kiểm tra giám sát Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum thực hiện các quy định trong Quy trình này.
2. Kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum trong trường hợp phát hiện những vi phạm các quy định trong Quy trình này.
3. Kịp thời kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum xem xét điều chỉnh, bổ sung nội dung quy trình vận hành này cho phù hợp thực tế.

Điều 30. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei

1. Chỉ đạo chính quyền Ủy ban nhân dân xã Đắk Choong về công tác bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường của lưu vực và mặt hồ, bảo vệ chất lượng nguồn nước mặt chảy vào hồ.
2. Phối hợp với các sở, ban ngành của tỉnh để chỉ đạo, lập kế hoạch phòng chống thiên tai, chống lũ quét, sạt lở đất.

Điều 31. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã Đắk Choong

1. Có trách nhiệm trực tiếp tổ chức bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường của lưu vực và mặt hồ, bảo vệ chất lượng nguồn nước mặt chảy vào hồ.
2. Ngăn chặn và xử lý các vi phạm gây ô nhiễm nguồn nước và đe dọa an toàn công trình.
3. Huy động nhân lực, vật lực phối hợp với Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum trong công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, bảo vệ và xử lý sự cố công trình.
4. Tuyên truyền, vận động Nhân dân địa phương thực hiện đúng các quy định pháp luật tham gia Phòng chống thiên tai, bảo vệ an toàn công trình hồ chứa thủy điện Đắk Mi 1.

Điều 32. Chuyển giao trách nhiệm sử dụng, khai thác, vận hành công trình thủy điện Đắk Mi 1

1. Trong trường hợp chuyển giao trách nhiệm sử dụng, khai thác, vận hành công trình thủy điện Đắk Mi 1 từ Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum sang một đơn vị khác, các quy định về thẩm quyền và trách nhiệm của Công ty

và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum trong Quy trình này sẽ được quy định cho đơn vị và thủ trưởng đơn vị được chuyển giao.

2. Tất cả các văn bản, hồ sơ, giấy tờ có liên quan đến việc chuyển giao trách nhiệm sử dụng, khai thác, vận hành công trình thủy điện Đăk Mi 1 đều phải giao nộp 01 bộ cho Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, 01 bộ cho Sở Công Thương tỉnh Kon Tum, để thống nhất theo dõi, chỉ đạo.

Điều 33. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc sửa đổi, bổ sung quy trình này

Định kỳ 5 năm hoặc khi quy trình không còn phù hợp, Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Trong quá trình thực hiện Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Đăk Mi 1, nếu có nội dung chưa hợp lý, cần thiết phải sửa đổi bổ sung, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quang Đức Kon Tum, thủ trưởng các đơn vị có liên quan phải kiến nghị kịp thời bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum thẩm định, xem xét quyết định./.

PHỤ LỤC 1
THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHÍNH CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN ĐẮK MI 1

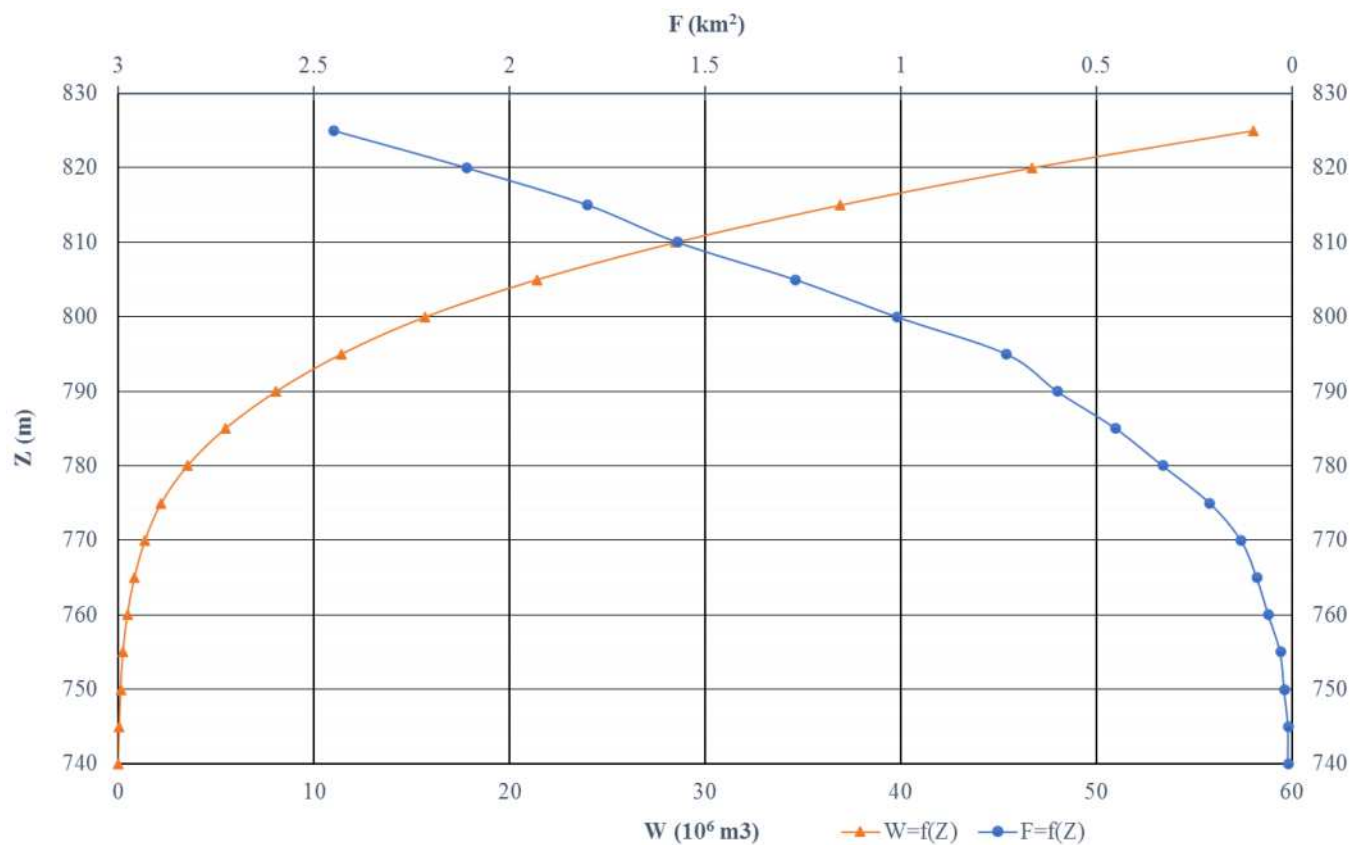
TT	Thông số	Đơn vị	TKKT (Theo thông báo thẩm định số 1697/ĐL-TĐ ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Bộ Công Thương)	Ghi chú
	Địa điểm xây dựng: Trên sông Đăk Mi (<i>hệ thống Vũ Gia - Thu Bồn</i>) thuộc địa bàn xã Đăk Choong, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum			
I	Cấp công trình			
	Theo QCVN 04-05/2012	Cấp	I	
II	Thông số hồ chứa			
1	Diện tích lưu vực Flv	Km ²	401,90	
2	Lượng mưa trung bình nhiều năm	mm	3400	
3	Dòng chảy trung bình năm Q _o	m ³ /s	28,40	
4	Lưu lượng đỉnh lũ kiểm tra P=0.1%	m ³ /s	6.660,00	
5	Lưu lượng đỉnh lũ thiết kế P=0.5%	m ³ /s	5.270,00	
6	MNLKT(lũ 0.1%)	m	813,36	
7	MNLTK(lũ 0.5%)	m	811,14	
8	MNDBT	m	810,00	
9	MNC	m	805,00	
10	Dung tích toàn bộ W _{tb}	10 ⁶ m ³	28,475	
11	Dung tích hữu ích W _{hi}	10 ⁶ m ³	7,073	
12	Dung tích chết W _c	10 ⁶ m ³	21,402	
III	Đập dâng chính			
1	Loại		Bê tông CVC	
2	Cao trình đỉnh đập	m	814,40 (kể cả tường chắn sóng 0,7m)	
3	Chiều rộng đỉnh đập	m	5,0	
4	Chiều cao lớn nhất (vai trái/vai phải)	m	79,9/61	
5	Chiều dài theo đỉnh (vai trái/vai phải)	m	122,0/144,0	
6	Độ dốc mái thượng lưu	1V:H	1:0	
7	Độ dốc mái hạ lưu	1V:H	1:0,75	
IV	Công trình xả			
1	Hình thức tràn		Tràn cửa van	

TT	Thông số	Đơn vị	TKKT (Theo thông báo thẩm định số 1697/ĐL-TĐ ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Bộ Công Thương	Ghi chú
2	Cao độ ngưỡng tràn	m	795,0	
3	Kích thước tràn nxbxh	m	3x13x15	
4	Cao độ mũi phun	m	769,00	
5	Cao độ đáy hố xói	m	717,0	
V	Cửa lấy nước			
1	Kiểu		Tháp	
2	Số lượng khoang	-	1	
3	Lưu lượng thiết kế lớn nhất	m ³ /s	61,6	
4	Cao độ ngưỡng cửa lấy nước	m	793,00	
5	Kích thước lưới chắn rác (B×H)	m	6,50×8,00	
6	Kiểu van sửa chữa	-	Phẳng - trượt	
7	Kích thước van sửa chữa (B×H)	m	5,20×5,20	
8	Kiểu van vận hành, sự cố	-	Cầu trục	
9	Kích thước van vận hành (B×H)	m	5,20×5,20	
VI	Đường hầm			
1	Kiểu		Không áo + có áo + lót thép	
2	Số đường hầm	-	1	
3	Chiều dài toàn bộ hầm	m	3.513,55	
4	Đường kính hầm có áo	m	5,00	
5	Đường kính hầm không áo	m	6,40	
6	Đường kính đoạn lót thép	m	4,00	
7	Cao trình tim hầm tại CLN	m	795,60	
8	Cao trình tim hầm tại cửa ra	m	624,95	
VII	Tháp điều áp			
1	Kết cấu tháp		Dạng viên trụ	
2	Đường kính buồng dưới tháp	m	5,00	
3	Đường kính buồng trên tháp	m	9,00	
4	Cao trình đỉnh tháp	m	831,00	

TT	Thông số	Đơn vị	TKKT (Theo thông báo thẩm định số 1697/ĐL-TĐ ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Bộ Công Thương	Ghi chú
VIII	Nhà máy thủy điện			
1	$Q_{\max}$	m^3/s	61,60	
2	$H_{\max}$	m	179,10	
3	H_{tt}	m	166,80	
4	$H_{\min}$	m	165,60	
5	N_{lm}	MW	84,00	
6	$E_{\text{dòng chảy ngày}}/E_{\text{dòng chảy tháng}}$	$10^6 kWh$	282,90/315,00	
7	Số giờ sử dụng công suất lắp máy (theo dòng chảy ngày và dòng chảy tháng)	Giờ	3.368/3.750	
8	Số tổ máy	Tổ	2	
9	Cao trình lắp máy	m	624,95	
10	Cao trình sàn lắp ráp	m	650,20	
12	Cao trình tầng máy phát	m	634,60	
13	Kiểu Turbin	-	Francis trục đứng	
IX	Kênh xả hạ lưu nhà máy			
1	Chiều dài theo tim	m	141,50	
2	Chiều rộng đáy	m	18,00	
3	Cao độ đáy đầu kênh	m	630,00	
4	Cao độ đáy cuối kênh	m	629,79	
5	Hệ số mái dốc ngược	-	1:4	
6	Chiều dài đoạn nạo vét lòng sông	m	105,00	
7	Cao độ đáy kênh nạo vét	m	630,00	
X	Trạm phân phối điện			
1	Kiểu trạm phân phối		GIS	
2	Kích thước trạm B × H	m	12,10 × 28,80	
3	Cao độ nền trạm	m	650,20	
4	Cấp điện áp	kV	220	

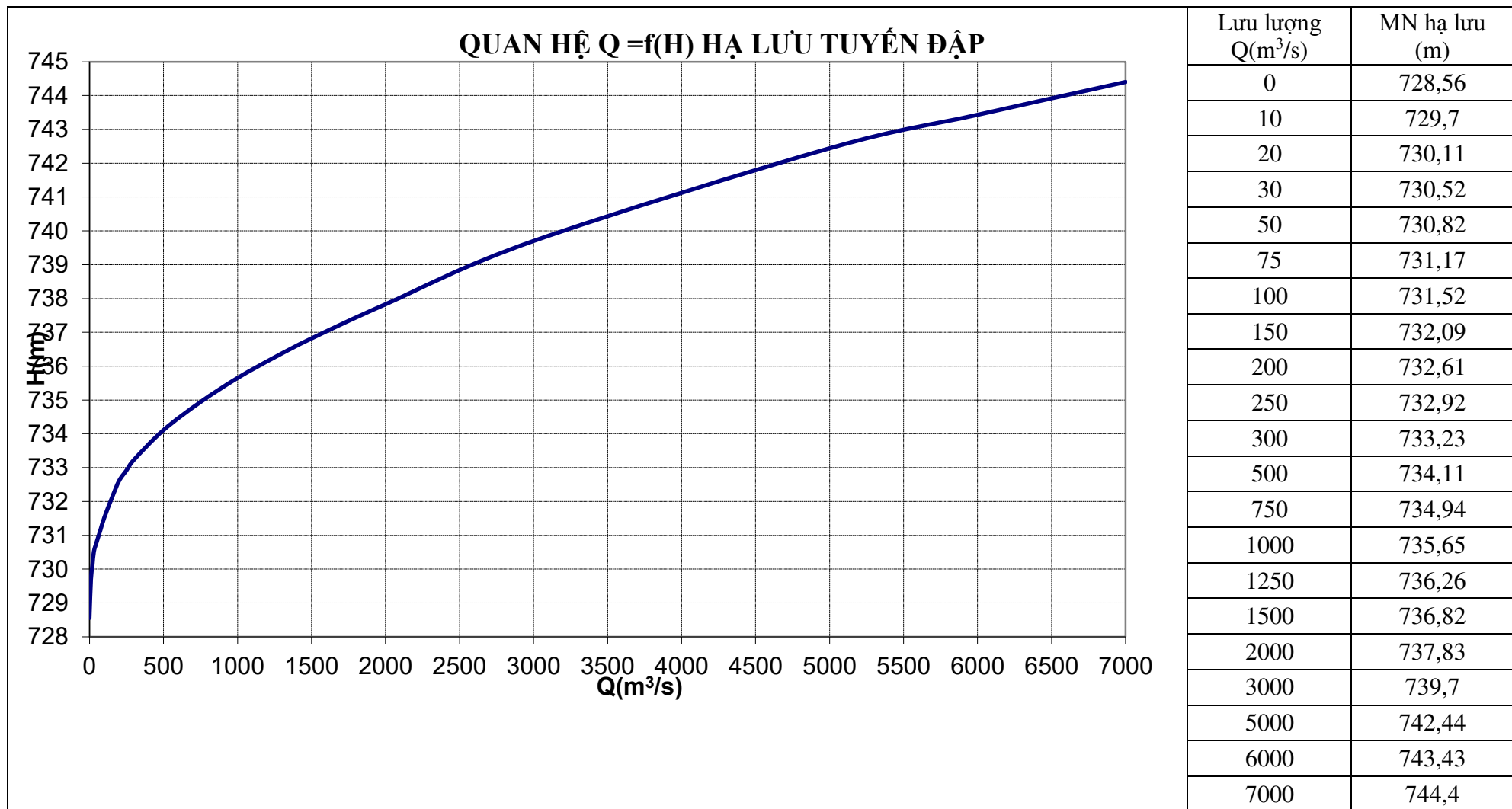
PHỤ LỤC 2

QUAN HỆ MỰC NƯỚC, DIỆN TÍCH VÀ DUNG TÍCH HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN ĐẮK MI 1



Z (m)	740	745	750	755	760	765	770	775	780	785	790	795	800	805	810	815	820	825
V (10 ⁶ m ³)	0	0,05	0,12	0,24	0,46	0,83	1,37	2,2	3,54	5,47	8,08	11,4	15,7	21,4	28,5	36,9	46,7	58
F (Km ²)	0,01	0,01	0,02	0,03	0,06	0,09	0,13	0,21	0,33	0,45	0,6	0,73	1,01	1,27	1,57	1,8	2,11	2,45

PHỤ LỤC 3
QUAN HỆ MỨC NƯỚC, LƯU LƯỢNG HẠ LƯU ĐẬP THỦY ĐIỆN ĐẮK MI 1



PHỤ LỤC 4
QUAN HỆ MỨC NƯỚC HỒ CHỨA, ĐỘ MỞ CỬA VAN VÀ LƯU LƯỢNG XẢ QUA TRÀN
THỦY ĐIỆN ĐẮK MI 1

Độ mở (m)	Thứ tự mở các cửa van đập tràn		
	Cửa van số I	Cửa van số II	Cửa van số III
0,25	4/161,5	1/32,5	5/193,9
0,50	6/226,3	2/64,8	7/258,6
1,00	8/322,7	3/129,0	9/386,9
1,50	11/513,8	10/450,3	12/577,3
2,00	14/704,4	13/640,9	15/768,0
2,50	17/894,3	16/831,2	18/957,4
3,00	20/1082,5	19/1019,9	21/1145,0
4,00	23/1392,8	22/1268,9	24/1516,7
5,00	26/1762,6	25/1639,7	27/1885,6
6,00	29/2125,9	28/2005,8	30/2246,1
7,00	32/2500,4	31/2373,2	33/2627,5
8,00	35/2874,6	34/2751,1	36/2998,2
9,00	38/3253,4	37/3125,8	39/3381,1
10,00	41/3660,9	40/3521,0	42/3800,8
11,00	44/4080,0	43/3940,4	45/4219,5
Mở hoàn toàn	47/4339,5	46/4279,5	48/4399,4

Trong đó: A/B với “A” là trường hợp vận hành cửa van, “B” là lưu lượng tháo lũ tương ứng, mực nước thượng lưu bằng MNDBT,

PHỤ LỤC 5

BIỂU ĐỒ TẦN SUẤT LŨ TUYẾN ĐẬP THỦY ĐIỆN ĐẮK MI 1

QUÁ TRÌNH LŨ THIẾT KẾ TUYẾN ĐẬP THỦY ĐIỆN ĐẮK MI 1

